TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BÌNH ĐẠI** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **75/**2018/HNGĐ-ST
Ngày: 17-10-2018
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH ĐẠI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Nguyễn Trọng Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Hoàng Mích

2. Ông Bùi Tuấn Khanh

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Thành Trung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Đại *tham gia phiên toà:*

Bà Phạm Thị Cẩm Vân- Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 310/2018/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 7 năm 2018 về việc: "*Tranh chấp ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 166/2018/QĐXX-ST ngày 02 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị U, sinh năm 1987. *(Có mặt)*

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Chí B, sinh năm 1980. *(Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt)*

Địa chỉ: ấp L, xã Đ, huyện B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/5/2018 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Trần Thị U trình bày:

Chị và anh B chung sống với nhau vào năm 2003 trên tinh thần tự nguyện và có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có hạnh phúc, đến tháng 01/2017 thì phát sinh mâu thuẩn, nguyên nhân do anh B thường xuyên ăn nhậu, chửi mắng chị, không chăm lo cuộc sống gia đình. Chị U và anh B đã sống ly thân từ tháng 01/2017 đến nay. Chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/12/2004; Nguyễn Phát M, sinh ngày 17/10/2011. Chị U yêu cầu được nuôi 2 con, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải, biên bản kiểm tra việc giao nộp tiếp cận, công khai chứng cứ ngày 27/7/2018, bị đơn anh Nguyễn Chí B trình bày:

Anh và chị U kết hôn năm 2003, trên tinh thần tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã Đ. Thời gian đầu sau khi kết hôn, anh chị sống có hạnh phúc, đến tháng 01/2017, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân tiền bạc thất thoát, vợ có người khác, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không thể hàn gắn được. Tuy nhiên, anh B vẫn còn thương vợ con, nên chưa đồng ý ly hôn.

Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/12/2004; Nguyễn Phát M, sinh ngày 17/10/2011. Anh B đồng ý để chị U nuôi con, anh không cấp dưỡng.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận.

Về nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm: Về tố tụng: không vi phạm tố tụng. Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của kiểm sát viên. HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Bình Đại. Anh Nguyễn Chí B có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án là phù hợp với Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Hôn nhân: chị Trần Thị U và anh Nguyễn Chí B chung sống với nhau vào năm 2003 có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/01/2005 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống giữa anh B và chị U lúc đầu có hạnh phúc, nhưng thời gian sau thì phát sinh mâu thuẫn. Nay chị U yêu cầu giải quyết cho ly hôn, anh B không đồng ý vì cho rằng còn thương vợ. Căn cứ vào lời trình bày của anh B, chị U; căn cứ vào biên bản xác minh tình trạng hôn nhân, Hội đồng xét xử xét thấy: Hôn nhân của anh B, chị U đã phát sinh và tồn tại nhiều mâu thuẫn. Mặc dù, anh B không đồng ý ly hôn, tuy nhiên thực tế là hai bên cũng không

thể hàn gắn được như lời thừa nhận của anh B. Tòa án cũng đã hòa giải động viên, tạo điều kiện để hai bên hàn gắn, đoàn tụ trở lại nhưng không thành, xét về tình thương đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị U là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung: có 02 con chung tên Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/12/2004; Nguyễn Phát M, sinh ngày 17/10/2011, các con đều đang sống với chị U. Chị U có yêu cầu được nuôi con, anh B cũng đồng ý. Theo Biên bản hỏi ý kiến con, cũng như tại phiên tòa, cháu N và cháu M đều muốn sống chung với mẹ. Hội đồng xét xử xét thấy: để đảm bảo được quyền và lợi ích của con chung, cần giao con cho chị U tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật và phù hợp với nguyện vọng của con. Về cấp dưỡng nuôi con, ghi nhận việc chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận nên không xét đến.

[2.4] Về nợ chung: hai bên khai không có nên không xét đến.

[3] Xét đề nghị của Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[4] Về án phí hôn nhân sơ thẩm: nguyên đơn chị U phải chịu án phí là 300.000đ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 227, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Trần Thị U đối với anh Nguyễn Chí B.

Chị Trần Thị U được ly hôn anh Nguyễn Chí B. Quan hệ hôn nhân của chị U, anh B chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về con chung: Giao con là Nguyễn Thị Huỳnh N, sinh ngày 08/12/2004 và Nguyễn Phát M, sinh ngày 17/10/2011 cho chị Trần Thị U tiếp tục nuôi dưỡng. Ghi nhận việc chị U không yêu cầu anh B cấp dưỡng nuôi con.

Anh B được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở. Vì lợi ích của con chung sau này, một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, nên không xét đến.

4. Về nợ chung: hai bên khai không có, nên không xét đến.

5. Án phí hôn nhân sơ thẩm: chị Trần Thị U phải chịu 300.000 đồng. Số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà chị U đã nộp theo biên lai thu số 0018053 ngày 11/7/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Đại, tỉnh Bến Tre được khấu trừ vào án phí, chị U đã nộp đủ án phí.

Chị U được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án. Anh B vắng mặt, được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Bình Đại;
- Chi cục THADS huyện Bình Đại;
- UBND xã Đ;
- Các bên đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Trần Nguyễn Trọng Hiếu